

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày 13/4/2021
“Về việc tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến.

Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Trần Rin Ca - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 602/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 100/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Quang L, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2020).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

(Ông L và ông T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Lâm Quang L trình bày:

Bà Lâm Thị T và ông Nguyễn Thanh T là chỗ quen biết làng xóm láng giềng với nhau. Vào ngày 22/5/1995 âm lịch, ông T có vay của bà T 20 chỉ vàng 24k với lý do làm ăn mua bán, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng (20 chỉ vàng thì 7 phân/tháng), trả lãi hàng tháng, thời hạn vay đến cuối năm 1995 và đầu năm 1996 (là 06 tháng). Khi đó, có làm biên nhận do ông T viết và ký tên. Sau khi vay ông T không có trả lãi như đã thỏa thuận. Bà T có đòi nhiều lần nên ông T có trả được ½ vốn là 10 chỉ vàng 24k, số vốn còn lại bà T có nhiều lần nhắc nhở nhưng đến nay ông T vẫn chưa thanh toán.

Theo đơn khởi kiện, bà Lâm Thị T yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả lại số nợ là 10 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay vì nghĩ đến hoàn cảnh gia đình ông T khó khăn nên người đại diện theo ủy quyền của bà thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu ông T trả giá trị quy ra tiền của 10 chỉ vàng 24k là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông T thừa nhận vào ngày 22/5/1995 âm lịch, ông có mượn của vợ chồng bà Lâm Thị T 20 chỉ vàng 24k, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng (20 chỉ vàng thì 7 phân/tháng). Do ông không trả đúng hạn nên đến ngày 09/5/1999, ông Đặng Văn B là chồng bà T có thưa ông tại Ban nhân dân Ấp về việc không trả lãi đầy đủ. Tại phiên hòa giải ở địa phương ngày 23/9/1999, hai bên thống nhất tính đến ngày 09/5/1999, ông T đã trả được ½ số vàng, còn nợ 10 chỉ vàng 24k, và thống nhất quy ra giá trị thành tiền của 10 chỉ vàng 24k là 5.200.000 đồng, và ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền này cho vợ chồng bà T trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 23/9/1999. Tuy nhiên, sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay ông T vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho vợ chồng bà T như đã thỏa thuận. Hiện tại hoàn cảnh gia đình ông rất khó khăn, không có khả năng trả 20.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T; Nay, khả năng của ông chỉ có thể thống nhất trả cho bà T giá trị 10 chỉ vàng quy ra thành tiền là 8.000.000 đồng.

Nếu bà T không đồng ý thì ông yêu cầu căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án này. Tính từ thời

điểm ký Biên bản hòa giải thành giữa các bên vào năm 1999 đến nay là đã quá thời hiệu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp đòi tài sản”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp dân sự về đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện Tháp Mười nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Do nhận thấy hoàn cảnh kinh tế của gia đình ông T khó khăn nên phía nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T trả cho bà T 20.000.000 đồng đối với số nợ 10 chỉ vàng 24k, không yêu cầu tính lãi.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T đến hiện tại vẫn còn nợ bà T 10 chỉ vàng 24k là có thật, đã được ông T thừa nhận thể hiện trong Biên bản hòa giải thành tại Ban nhân dân Ấp và tại phiên tòa. Đối với việc ông yêu cầu được trả giá trị quy đổi thành tiền của 10 chỉ vàng 24k là 8.000.000 đồng, là không có cơ sở. Bởi vì, giá vàng loại vàng 24k trên thị trường tại thời điểm xét xử hôm nay có giá là 5.055.000 đồng/chỉ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T trả giá trị thành tiền của 10 chỉ vàng 24k là 20.000.000 đồng, thấp hơn so với giá vàng trên thị trường hiện tại; Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và cũng có lợi cho bên phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó ông T có trách nhiệm phải trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng.

[3.4] Đối với việc ông T yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện vì cho rằng vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 (có hiệu lực từ ngày 01/8/2016) của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành BLTTDS thì: *“Từ ngày 01/01/2017, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và luật khác có liên quan về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu để thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động”*.

Theo đó, tại khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“1. Thời hiệu khởi kiện... được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự”*. Xét mặc dù Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm”*. Tuy nhiên, ở đây, bà T chỉ yêu cầu ông T thanh toán số nợ vốn, không yêu cầu tính lãi. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định đối với yêu cầu để bảo vệ quyền sở hữu thì không áp dụng thời hiệu, nên không chấp nhận việc ông T yêu cầu đình chỉ vụ án vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện.

[3.5] Như vậy, từ những phân tích, lập luận nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã nêu trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 264 Bộ Luật dân sự năm 1995;

Căn cứ khoản 2 Điều 155 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả 10 chỉ vàng 24k. Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc quy giá trị thành tiền của 10 chỉ vàng 24k là 20.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị T 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Do bà Lâm Thị T thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý về tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS
huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (ML).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Tuấn